TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **78** /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Phan Thị Cẩm.

2. Bà Võ Thị Thúy An.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Th và chị T kết hôn tháng 01/2018, gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau nên vợ chồng ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Nay anh Th xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh Th xin ly hôn với chị T.

- *Về con chung*: Anh Th xác định vợ chồng không có con chung.

- *Về tài sản chung*: Anh Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh Th xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị Cẩm T để chị trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh Th cũng như tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị T không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rỏ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T là đúng quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Th được ly hôn với chị T. Về con chung anh Th xác định vợ chồng không có con chung nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn chị Lê Thị Cẩm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của chị T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

Nguyên đơn anh Th yêu cầu ly hôn với bị đơn chị T (Chị T có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang) nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh

chấp trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Th và chị T xác lập quan hệ hôn nhân tháng 01/2018, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không đạt kết quả anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Nay anh Th cương quyết yêu cầu ly hôn nhưng chị T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có văn bản thể hiện ý kiến gì cho Tòa án xem xét, cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Hơn nữa, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đươc. Do đó áp dụng Điều 56 (*Ly hôn theo yêu cầu của một bên*) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho anh Th được ly hôn với chị T.

[2.2] *Về con chung*: Anh Th xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh Th xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn anh Bùi Văn Th chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - *Về hôn nhân*: Anh Bùi Văn Th được ly hôn với chị Lê Thị Cẩm T.

2 - *Án phí ly hôn sơ thẩm*: Anh Bùi Văn Th chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0006185 ngày 03/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

3 - Nguyên đơn anh Bùi Văn Th có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2019); bị đơn chị Lê Thị Cẩm T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Phong;
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Vinh

(Đã ký)